

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày: 02-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí

2. Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2024/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 652/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 647/2024/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH xây dựng sản xuất cơ khí T; địa chỉ: số 46 Đường H, khu nhà ở P, khu phố 2, phường P, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1974; địa chỉ: số 66/2 đường M, khu phố 9, phường T, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (văn bản uỷ quyền số công chứng 9901, quyền số 100/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/8/2024).

- Bị đơn: CTCP Bee M; trụ sở: số 86 đường B, KDC C, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: khu phố Trung Lương, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;

(Ông H, ông T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2024 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Công ty TNHH xây dựng sản xuất cơ khí T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Nguyễn Xuân H cùng trình bày:

- Ngày 23/3/2023, Công ty TNHH xây dựng sản xuất cơ khí T (viết tắt là Công ty T) và CTCP Bee M (viết tắt là Công ty Bee M) ký kết hợp đồng thi công số BEE-HT-2023-01 có nội dung: Công ty Bee M giao cho Công ty T gia công, lắp đặt kết cấu thép cho phòng nghỉ, phòng lái xe, phòng vệ sinh ở Nhà máy bia H Tiền Giang.

Công ty T đã hoàn thành việc thi công theo hợp đồng. Ngày 06/11/2025, Công ty T và Công ty Bee M ký biên bản nghiệm thu, hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đối với công trình H Tiền Giang.

Tuy nhiên, Công ty Bee M vẫn chưa hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T theo hợp đồng thi công số BEE-HT-2023-01 ngày 23/3/2023. Công ty Bee M còn nợ Công ty T số tiền 343.725.471 (ba trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi một) đồng.

- Ngày 01/4/2023, Công ty T ký kết với Công ty Bee M Hợp đồng thi công số BEE-HT-2023-02 có nội dung: Công ty Bee M giao cho Công ty T gia công, lắp đặt kết cấu thép ở Nhà máy bia H Hóc Môn, địa chỉ số 170 đường K, phường A, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, Công ty Bee M vẫn chưa hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T theo hợp đồng thi công số BEE-HT-2023-02 ngày 01/4/2023. Công ty Bee M còn nợ Công ty T số tiền 2.730.578.356 (hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu) đồng.

- Ngày 01/4/2023, Công ty T ký kết với Công ty Bee M Hợp đồng nguyên tắc số BEE-HT-2023-04 có nội dung: Công ty T bán cho Công ty Bee M vật liệu xây dựng gồm tôn, panel, xà gồ, bu long, ty giằng, ...

Công ty T đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng cho Công ty Bee M vào ngày 21/5/2023 nhưng đến nay, Công ty Bee M vẫn chưa thanh toán đủ tiền hàng cho Công ty T, Công ty Bee M còn nợ Công ty T số tiền 213.264.462 (hai trăm mười ba triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng.

- Ngày 12/12/2023, Công ty T lập bảng tổng hợp giá trị công nợ, trong đó nêu rõ số tiền Công ty T phải thu của Công ty Bee M là 3.287.568.288 (ba tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm tám mươi tám) đồng. Công ty Bee M đã ký tên, đóng dấu xác nhận vào bảng tổng hợp này.

- Ngày 25/3/2024, Công ty T và Công ty Bee M ký biên bản xác nhận công nợ có nội dung: Công ty Bee M có nghĩa vụ trả cho Công ty T số tiền nợ gốc là 3.287.568.288 (ba tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm tám mươi tám) đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 12%/1 năm, tính đến ngày 25/3/2024 là: 88.294.244 (tám mươi tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn hai

trăm bốn mươi bốn) đồng trong thời hạn 03 ngày. Trường hợp Công ty Bee M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Công ty Bee M sẽ trả tiền lãi theo mức lãi suất mà Công ty T đã vay để làm dự án là 6%/tháng.

Do Công ty Bee M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại biên bản xác nhận công nợ ngày 25/3/2024, nên Công ty T nộp đơn khởi kiện Công ty Bee M.

Tại phiên tòa, Công ty T yêu cầu như sau:

- Công ty Bee M có nghĩa vụ trả cho Công ty T tổng số tiền là **3.703.718.657 (ba tỷ bảy trăm lẻ ba triệu bảy trăm mười tám ngàn sáu trăm năm mươi bảy) đồng** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó:

+ Nợ gốc theo biên bản xác nhận công nợ ngày 25/3/2024 là: 3.375.862.532 (ba tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm ba mươi hai) đồng.

+ Tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng là 13%/1 năm tính từ ngày 29/3/2024 ngày **02/01/2025** là: $(3.287.568.288 \text{ đồng} \times 280 \text{ ngày} \times 13\%/1 \text{ năm}) : 365 \text{ ngày} = 327.856.125 \text{ đồng}$

- Công ty Bee M tiếp tục trả tiền lãi chậm trả từ ngày 03/01/2025 cho đến khi trả hết nợ.

2. Bị đơn - CTCP Bee M do ông Đặng Ngọc T là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Tại phiên tòa, ông T xác nhận Công ty Bee M có ký biên bản xác nhận công nợ ngày 25/3/2024 và Công ty Bee M còn nợ Công ty T toàn bộ số tiền được ghi trong biên bản xác nhận công nợ này là 3.375.862.532 đồng.

Ông T không có ý kiến về việc Công ty T yêu cầu Công ty Bee M trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/3/2024 cho đến khi trả hết nợ. Công ty Bee M chấp hành theo quyết định của Tòa án nếu yêu cầu của Công ty T phù hợp với quy định của pháp luật,

Công ty Bee M mong muốn hòa giải với Công ty T như sau: Trong thời hạn từ 3 tháng đến 6 tháng, nếu Công ty Bee M được Ngân hàng cấp tín dụng thì Công ty Bee M trả đủ nợ cho Công ty T.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty Bee M thanh toán nợ theo các hợp đồng thi công đã ký. Công ty Bee M có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng thi công, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1 Về yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Ông T xác nhận Công ty Bee M còn nợ Công ty T số tiền nợ gốc là 3.287.568.288 và tiền lãi chậm trả là 88.294.244 đồng theo biên bản xác nhận công nợ ngày 25/3/2024. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty Bee M trả cho Công ty T tổng số tiền là 3.375.862.532 đồng.

2.2 Về yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán:

Xét, Công ty Bee M cam kết trả cho Công ty T số tiền còn nợ là 3.375.862.532 đồng thời hạn 03 ngày kể từ ngày 25/3/2024, trường hợp Công ty Bee M vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Bee M trả lãi theo mức lãi suất 6%/1 tháng.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng về chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Căn cứ thông tin lãi suất mà Tòa án đã thu thập được tại Ngân hàng N – Chi nhánh Gia Định; Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh 9; Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Tân Sơn Nhất thể hiện mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 15,5%/1 năm.

Tại Tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 13%/1 năm là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 29/3/2024 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả từ ngày 29/3/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là $(3.287.568.288 \text{ đồng} \times 280 \text{ ngày} \times 13\%/1 \text{ năm}) : 365 \text{ ngày} = 327.856.125 \text{ đồng}$, **Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận.**

Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 03/01/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 13%/1 năm là phù hợp với quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn không đồng ý với phương thức trả nợ mà bị đơn đã nêu. Xét, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 91, 147, 195, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 85, Điều 301 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc CTCP Bee M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH xây dựng sản xuất cơ khí T toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 02/01/2025 là **3.703.718.657 (ba tỷ bảy trăm lẻ ba triệu bảy trăm mười tám ngàn sáu trăm năm mươi bảy) đồng** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc là 3.375.862.532 (ba tỷ ba trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm ba mươi hai) đồng, nợ lãi chậm trả là **327.856.125 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn một trăm hai mươi lăm) đồng**.

Kể từ ngày 03/01/2025 cho đến khi thi hành án xong, CTCP Bee M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 13%/1 năm.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH xây dựng sản xuất cơ khí T được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 56.047.825 (năm mươi sáu triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm hai mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0014360 ngày 13/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

CTCP Bee M phải nộp tiền án phí là 106.074.373 (một trăm lẻ sáu triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm bảy mươi ba) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào